

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC**

Số: 389/GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Quốc, ngày 28 tháng 7 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều
của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét đề nghị của Công ty Cổ phần xây dựng Phú Thành tại Văn bản số
28/CV.PT ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường
của dự án Trạm bê tông thương phẩm, công suất 2x150m³/giờ và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
1021/TTr-PTNMT ngày 26 tháng 7 năm 2023.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Cổ phần xây dựng Phú Thành, địa chỉ số 02, Phan Đình Phùng, khóm 3, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Trạm bê tông thương phẩm, công suất 2x150m³/giờ, tại thửa đất số 4, tờ bản đồ số 34, ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: Trạm bê tông thương phẩm, công suất 2x150m³/giờ

1.2. Địa điểm hoạt động: thửa đất số 4, tờ bản đồ số 34, ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 2100323054, đăng ký lần đầu ngày 18/05/2006, thay đổi lần thứ 14 ngày 30/09/2021 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp.

1.4. Mã số thuế: 2100323054

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án: 36.000.000.000 đồng.

- Quy mô: 13.138,09m² bao gồm 02 trạm trộn bê tông, mỗi trạm công suất 150m³/giờ và một số công trình phục vụ cho dự án.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức/cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần xây dựng Phú Thành có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 28 tháng 1 năm 2023 đến ngày 28 tháng 1 năm 2033).

Điều 4. Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- CTCPXD Phú Thành;
- Cổng thông tin điện tử thành phố Phú Quốc;
- Phòng TNMT (lưu hồ sơ);
- UBND xã Hàm Ninh;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Lê Quốc Toàn

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 31/GPMT-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: dự án phát sinh 01 nguồn nước thải sản xuất sau đây:

Nước vệ sinh sân bãi, xe bồn: 10,25m³/ngày.

Lưu lượng xả thải tối đa: 10,25m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: vùng nước biển ven bờ.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Phía mặt tiếp giáp vùng nước biển ven bờ của dự án thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 34, ấp Bãi Vòng, xã Hàm Ninh, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°30', vĩ độ 3°): X: 1121660.00; Y: 448669.00.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10,25m³/ngày.đêm.

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý theo cao độ tự chảy thoát ra vùng nước biển ven bờ tiếp giáp dự án.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải (QCVN 40:2011/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A, K_q=1 và K_f=1,2), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, Giá trị C _{max} K _q = 1, K _f = 1,2	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Màu	Pt/Co	50	
2	pH	-	6 - 9	
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36	

4	COD	mg/l	90	6 tháng/ lần
5	Chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	60	
6	Sắt (Fe)	mg/l	1,2	
7	Mangan (Mn)	mg/l	0,6	
8	Asen (As)	mg/l	0,06	
9	Amoni (tính theo N)	mg/l	6	
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	6	
11	Coliform	Vi khuẩn/100ml	3000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống thu gom, thoát nước mưa xây dựng tách riêng với hệ thống thu gom, xử lý và thoát nước thải, được đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa chảy tràn của dự án. Nước mưa được thoát ra vùng nước biển ven bờ hoặc khu vực phía trước dự án tùy theo cao độ mặt bằng.

- Nước thải sản xuất (bao gồm nước thải từ vệ sinh xe bồn và nước thải vệ sinh sân bãi) sẽ được dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất 20m³/ngày.đêm

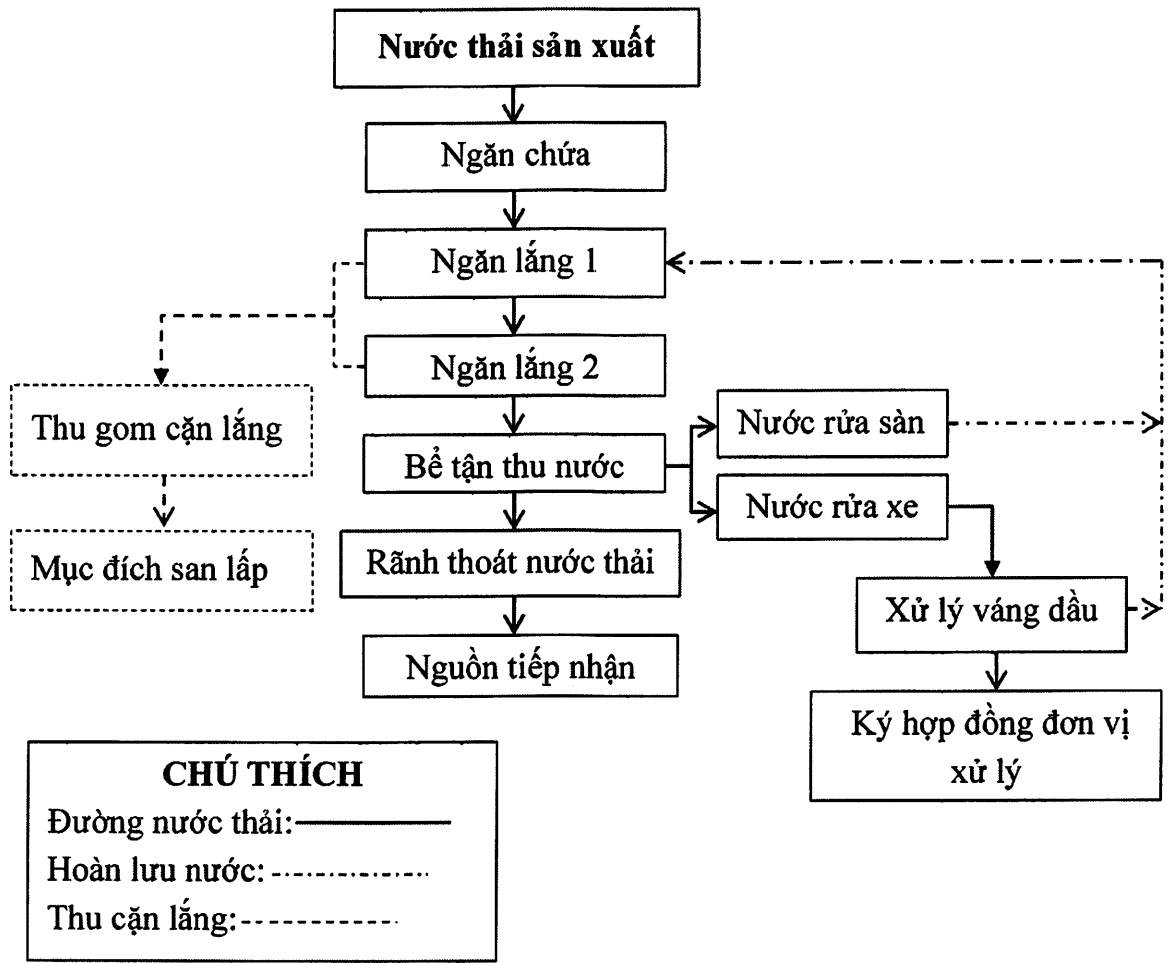
1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải vào ngăn chứa với thể tích 97,2m³ → Bể lắng 1 với thể tích 36m³, tại đây các chất rắn lơ lửng sẽ được giữ lại dưới đáy bể cùng với đó váng xi măng trôi nổi trên bề mặt sẽ được giữ lại thông qua vách thông → Bể lắng 2 với thể tích 25,2m³, tại đây nước thải tiếp tục lắng và làm sạch các chất rắn lơ lửng một lần nữa (sau một thời gian cặn lắng từ bể lắng 1 và 2 sẽ được thu gom sử dụng vào mục đích san lấp) → Bể tận thu nước với thể tích 75,6m³, tại đây nước thải được tái sử dụng vào các hoạt động vệ sinh sân nền và vệ sinh xe bồn, lượng nước thải không được tận dụng hết sẽ theo rãnh thoát nước ra nguồn tiếp nhận là vùng nước biển ven bờ, cùng thời điểm đó nước rửa xe được dẫn về Bể tách dầu với thể tích 1,2m³, dầu sau khi được tách sẽ được ký hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý, nước thải sau khi tách dầu được hoàn lưu lại để tiếp tục tận thu nước.

- Công suất thiết kế: 20m³/ngày.đêm (tổng diện tích 167,5m²).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.



Hình 1. Sơ đồ xử lý nước thải sản xuất

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Lắp đặt, vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo các nguyên tắc, quy trình kỹ thuật và phải có sự giám sát trong thi công xây dựng và vận hành; công nhân được huấn luyện kỹ thuật đầy đủ; thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống dẫn nước; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị đang hoạt động; thay thế, sửa chữa kịp thời máy móc hư hỏng; có thiết bị, máy móc dự phòng để phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải ngừng hoạt động do hư hỏng các thiết bị.

- Bố trí nhân viên có chuyên môn để vận hành các công trình xử lý môi trường và có khả năng ứng phó, khắc phục các sự cố xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải của dự án.

- Lập sổ nhật ký theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống; lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý định kỳ nhằm đánh giá hoạt động của hệ thống xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: sau khi kết thúc quá trình xây dựng (khoảng 1 năm) và đang vận hành ổn định (khoảng tháng 8 năm 2024).

2.2. Công trình, thiết bị xử nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống

xử lý nước thải công suất 20m³/ngày.đêm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu *(theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)*:

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm *(theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)*:

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Giai đoạn ổn định: mẫu đơn, tần suất 01 lần/ngày trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định *(theo khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường)*.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.

Lắp đặt thiết bị giám sát lưu lượng nước thải và lập sổ theo dõi lượng nước xả thải hàng ngày.

Tận dụng tối đa giá trị của nước thải. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống và các thiết bị xử lý nước thải để đạt hiệu quả cao trong quá trình xử lý nước thải đảm bảo phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước thải sinh hoạt.

Yêu cầu chủ dự án thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm trước ít nhất 10 ngày cho cơ quan cấp giấy phép môi trường thông qua Phòng Tài nguyên và Môi trường.

Đề nghị Chủ dự án thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ theo nội dung tại mỗi Phụ lục kèm theo Giấy phép này.

1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM,
XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 380/GPMT-UBND ngày 18 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. **Nguồn phát sinh khí thải:** khí thải phát sinh từ quá trình nạp liệu xi măng vào silo (chủ yếu bụi).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải: tại 02 hệ thống xử lý bụi và thu hồi bụi của 08 silo chứa xi măng.

*Tọa độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 104°30',
múi chiều 3°:*

Điểm 1: X: 448441.30 Y: 1121734.40

Điểm 2: X: 448432.40 Y: 1121756.20

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 220m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: xả gián đoạn; khi nạp liệu xi măng mới; 04 giờ cho 01 lần nạp; theo các thời điểm trong ngày.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải (QCVN 19:2009/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, Kp=1 và Kv=1) cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Giá trị Cmax Kp = 1, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	6 tháng/ lần

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:



- Dự án có 08 silo chứa xi măng, thể tích chứa mỗi silo là 120m^3 . Cứ 04 silo được đầu nối vào 01 hệ thống xử lý và thu hồi bụi, bên trong có bộ lọc SFCA - MIX, bụi sau khi được thu hồi sẽ được hoàn lưu lại silo chứa để sử dụng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Xi măng từ xe bồn được bơm vào silo qua đường ống bơm xi măng (dùng vòi bơm cao áp thổi không khí lẫn với bột xi măng vào trong silo theo đường ống dẫn). Trong quá trình bơm, áp suất ở bên trong silo tăng lên sẽ làm cho khí có lẫn bụi xi măng bên trong thoát ra ngoài theo đường ống thu hồi bụi về hệ thống xử lý và thu hồi bụi công suất $1.020\text{m}^3/\text{giờ}$. Tại phễu thu, bụi sẽ được giữ lại bởi túi lọc, bên trong có bộ lọc SFCA - MIX. Bụi xi măng sẽ được gom lại dưới đáy phễu thu. Sau khi kết thúc quá trình bơm nạp xi măng, mở van xả bụi xi măng tại phễu thu bụi để hoàn lưu vào silo chứa xi măng. Các túi lọc bụi được làm sạch bằng khí nén tự động.

- Công suất thiết kế: $1.020\text{m}^3/\text{giờ}$.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không.

1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Lắp đặt, vận hành hệ thống xử lý khí thải đảm bảo các nguyên tắc, quy trình kỹ thuật và phải có sự giám sát trong thi công xây dựng và vận hành; công nhân được huấn luyện kỹ thuật đầy đủ; thường xuyên kiểm tra hệ thống đường ống dẫn thu hồi và hoàn lưu bụi; định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, thường xuyên kiểm tra các máy móc, thiết bị đang hoạt động; thay thế, sửa chữa kịp thời máy móc hư hỏng; có thiết bị, máy móc dự phòng để phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý khí thải ngừng hoạt động do hư hỏng các thiết bị.

Bổ trí nhân viên có chuyên môn để vận hành các công trình xử lý khí thải và có khả năng ứng phó, khắc phục các sự cố xảy ra đối với hệ thống xử lý khí thải của dự án.

Lập sổ nhật ký theo dõi tình trạng hoạt động của hệ thống; định kỳ quan trắc nồng độ bụi tại 02 hệ thống xử lý thu hồi bụi của 08 silo nhằm đánh giá hoạt động của hệ thống xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: sau khi kết thúc quá trình xây dựng, dự án đang vận hành ổn định (khoảng tháng 8 năm 2024).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

Tọa độ vị trí xả khí thải theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}30'$, múi chiếu 3° :

Điểm 1: X: 448441.30

Y: 1121734.40

Điểm 2: X: 448432.40

Y: 1121756.20

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này):

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, Giá trị Cmax Kp = 1, Kv = 1	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200	6 tháng/ lần

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Giai đoạn ổn định: mẫu đơn, tần suất 01 lần/ngày trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định (theo khoản 5 Điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

Lắp đặt thiết bị giám sát lưu lượng khí thải và lập sổ theo dõi lưu lượng khí thải phát sinh khi tiếp nạp nguyên liệu.

Tận thu tối đa giá trị của sản phẩm sau thu hồi.

Thường xuyên kiểm tra, bảo trì hệ thống và các thiết bị xử lý thu hồi bụi để đạt hiệu quả cao trong quá trình xử lý bụi đảm bảo phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Đề nghị Chủ dự án thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ theo nội dung tại mỗi Phụ lục kèm theo Giấy phép này.



1

**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ
THỰC HIỆN YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22/GPMT-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Dự án phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ các nguồn như sau:

Điểm 1: máy trộn bê tông

Điểm 2: máy phát điện

Điểm 3: máy nén khí

Dự án phát sinh độ rung chủ yếu từ các phương tiện vận chuyển ra vào dự án.

**2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến
trục 104°30', múi chiều 3°):**

Điểm 1: X: 448441.30 Y: 1121734.40

Điểm 2: X: 448432.40 Y: 1121756.20

Điểm 3: X: 448446.70 Y: 1121172.50

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung (QCVN 26:2010/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường; QCVN 27:2010/BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, giá trị tối đa cho phép về mức gia tốc rung đối với hoạt động sản xuất, thương mại, dịch vụ; khu vực thông thường), cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Từ 6 - 21 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 6 - 21 giờ		
1	70	60	6 tháng/lần	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

Các thiết bị sẽ được lắp bộ phận hãm thanh nhằm giảm thiểu tối đa tiếng ồn có thể phát sinh trong quá trình vận hành.

Máy móc sản xuất được sắp xếp một cách hợp lý, đảm bảo không gian làm việc và hạn chế sự cộng hưởng của tiếng ồn trong quá trình vận hành.

Định kỳ bảo dưỡng, bôi trơn máy móc, thiết bị để hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến công nhân;

Các phòng điều khiển và vận hành trong khu vực sản xuất đều được xây bằng tường và lợp mái bằng các vật liệu cách âm.

Máy phát điện được lắp đặt tường cách âm (chống ồn) để giảm thiểu mức ồn phát tán.

Lắp đặt thiết bị có mức độ ồn thấp, thiết bị giảm thanh và vật liệu cách âm tại những nơi cần thiết (khu vực 2 trạm trộn, khu vực đặt máy nén khí).

Trồng cây xanh xung quanh khu vực trạm nhằm giảm thiểu tiếng ồn phát tán và tạo vẻ mỹ quan.

Ngoài ra dự án còn áp dụng một số biện pháp giảm tiếng ồn của phương tiện vận chuyển như sau:

Ban hành nội quy về vị trí đỗ xe, vận tốc xe khi ra vào trạm.

Sắp xếp lịch xuất - nhập nguyên, vật liệu hợp lý để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung.

Phương tiện phải được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và thực hiện kiểm định theo đúng quy định.

Duy tu, bảo dưỡng mặt đường thường xuyên phẳng nhẵn.

Quy định tốc độ và hạn chế bóp còi trong khu vực trạm; chỉ sử dụng còi khi cần xử lý tình huống khẩn cấp.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: độ rung của dự án phát sinh chủ yếu do các xe vận chuyển ra vào dự án.

Khu vực trạm sẽ được bê tông hóa chắc chắn.

Toàn bộ máy móc thiết bị tạm trọng bê tông được đặt trên các bệ đúc có móng chắn chắn, bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật, lắp đặt thêm các đệm cao su chống rung và kiểm tra kỹ độ cân bằng khi lắp đặt.

Tăng không gian giữa các thiết bị máy móc có độ rung cao. Sử dụng biện pháp kiểm soát đảm bảo độ rung không truyền từ nguồn này sang nguồn khác.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo.

Thường xuyên kiểm tra các thiết bị hỗ trợ giảm tiếng ồn, độ rung để kịp thời sửa chữa, thay mới nếu có hư hỏng, để đạt giá trị cho phép theo quy chuẩn kỹ thuật.

Đề nghị dự án thực hiện nghiêm chỉnh các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và độ rung để không ảnh hưởng đến các khu vực lân cận và giá trị của các thông số phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, độ rung.

Đề nghị Chủ dự án thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ theo nội dung tại mỗi Phụ lục kèm theo Giấy phép này.



1

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ TĂNG PHẠM SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02/2022/GPMT-UBND ngày 28 tháng 1 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên: 123,5kg/tháng

Chủng loại: bóng đèn huỳnh quang, giẻ lau dính dầu nhớt, dầu nhớt thải, pin, ắc quy, hộp mực in....

1.2. Khối lượng chất thải rắn sản xuất phát sinh: 14,4kg/tháng.

Chủng loại: bê tông thừa, rơi vãi

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 849kg/tháng.

Chủng loại: bọc nylon, chai nhựa, lon nước, giấy, rau, củ thừa,...

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu chứa chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Các thùng chứa chất thải nguy hại có kết cấu cứng chịu được va chạm, không bị hư hỏng, biến dạng, rách vỡ bởi trọng lượng chất thải lưu chứa trong quá trình sử dụng, có biển hiệu cảnh báo theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều, phải có biện pháp kiểm soát nắp đầy tràn để đảm bảo mức chứa cao nhất cách giới hạn của thiết bị lưu chứa 10cm. Theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Đối với chất thải rắn nguy hại: được lưu chứa trong kho có kết cấu tường, mái lợp tole, nền xi măng với diện tích 20m².

Đối với chất thải lỏng nguy hại: được lưu chứa trong thùng phuy nhựa có nắp đậy với thể tích mỗi thùng 220l.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa trong nhà:

Diện tích lưu chứa trong nhà:

Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa trong nhà: Mặt sàn trong khu vực lưu trữ chất thải nguy hại phải kín khít, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa tại khu vực lưu trữ chất thải nguy hại phải bố trí các thiết bị PCCC theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sản xuất:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường được thu hồi, phân loại, lựa chọn để tái sử dụng, sử dụng trực tiếp làm nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu cho hoạt động sản xuất theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Dự án bố trí khu vực lưu chứa khoảng 176,66m², sau khi đây sẽ ký hợp đồng với các đơn vị có nhu cầu san lấp mặt bằng để xử lý.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thiết bị lưu chứa chất thải có dung tích phù hợp với thời gian lưu giữ, bảo đảm không rò rỉ nước ra môi trường; thực hiện vệ sinh, phun khử mùi sau khi kết thúc hoạt động; điểm tập kết hoạt động trong thời gian từ 18 giờ đến 06 giờ sáng hôm sau phải có đèn chiếu sáng, cơ sở phải bố trí điểm lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt phù hợp trong quá trình vận hành hoạt động để phục vụ nhu cầu thải bỏ chất thải rắn sinh hoạt của tất cả người lao động trên cơ sở đó theo quy định tại điểm b, c, d Khoản 1 Điều 26 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Dự án bố trí 06 thùng chứa rác loại 30 lít bố trí tại 02 khu vực làm việc, mỗi khu vực 03 thùng, có nắp đậy, có dán nhãn phân loại rác, đảm bảo không rò rỉ nước ra môi trường và khả năng lưu chứa lượng rác thải phát sinh. Dự án bố trí 02 thùng 240l đặt ngay vị trí cổng cạnh tuyến đường để Ban Quản lý công trình công cộng thuận tiện thu gom.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

Sau mỗi ngày chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và phân loại, phần rác tái chế được lưu trữ lại, đủ khối lượng bán cho các vựa phế liệu, rác hữu cơ có thể ủ làm phân, bón cho cây trong khuôn viên dự án và phần rác còn lại cho vào 02 thùng 240l được bố trí trước khu vực tiếp giáp đường để Ban Quản lý công trình công cộng dễ dàng tiếp cận thu gom. Địa điểm đặt thùng lưu chứa từ 18h đến 6h sáng hôm sau phải có đèn sáng và phun khử mùi khi kết thúc hoạt động.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Chủ dự án đầu tư xây dựng và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của dự án; tuân thủ quy trình, quy định kỹ thuật về an toàn, môi trường; bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.

Lồng ghép các sự cố môi trường vào báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án cụ thể như: hệ thống xử lý nước thải bị bể làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh, chất lượng nước không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, cháy nổ,...

Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường. Bố trí các thiết bị về phòng tránh cháy nổ.

Đề nghị Chủ dự án thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ theo nội dung tại mỗi Phụ lục kèm theo Giấy phép này.



Số: 10/1 /TTr-PTNMT

Phú Quốc, ngày 26 tháng 7 năm 2023

TỜ TRÌNH

Về việc cấp giấy phép môi trường của dự án
Trạm bê tông thương phẩm, công suất 2x150m³/giờ

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Phú Quốc

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố Phú Quốc thành lập Tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án Trạm bê tông thương phẩm, công suất 2x150m³/giờ;

Căn cứ Biên bản thẩm định ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tổ thẩm định và Công văn số 302/UBND-TNMT ngày 03 tháng 3 năm 2023 của UBND thành phố Phú Quốc về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án;

Xét đề nghị của Công ty cổ phần xây dựng Phú Thành tại Văn bản số Văn bản số 28/CV.PT ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án Trạm bê tông thương phẩm, công suất 2x150m³/giờ.

Ngày 27/02/2023, Tổ thẩm định thành lập theo Quyết định số 374/QĐ-UBND ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Chủ tịch UBND thành phố Phú Quốc, Tổ thẩm định đã tiến hành khảo sát thực tế tại vị trí xây dựng dự án Trạm bê tông thương phẩm, công suất 2x150m³/giờ và đã yêu cầu dự án chỉnh sửa, bổ sung và điều chỉnh một số nội dung trên thực tế và trên báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường. Nay dự án đã hoàn thiện theo yêu cầu của Tổ thẩm định, đủ điều kiện để được cấp giấy phép môi trường.

Phòng Tài nguyên và Môi trường trình UBND thành phố xem xét, cấp giấy phép môi trường của dự án Trạm bê tông thương phẩm, công suất 2x150m³/giờ.

Kính đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, vta.

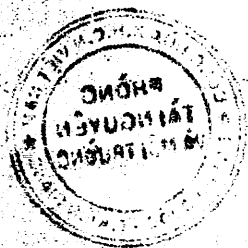


TRƯỞNG PHÒNG

[Chữ ký]
Huỳnh Văn Định

ĐẠI HẠNG LƯƠNG
TÁI NGUYÊN

ĐẠI HẠNG LƯƠNG
TÁI NGUYÊN



Nguyễn Văn Dĩnh